

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,299,062,850,509	2,558,532,922,412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	829,459,248,294	967,330,130,617
1. Tiền	111		215,529,385,103	185,816,130,617
2. Các khoản tương đương tiền	112		613,929,863,191	781,514,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		235,479,838,325	373,770,318,479
1. Đầu tư ngắn hạn	121	02	274,460,724,588	434,804,094,447
2. Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(38,980,886,263)	(61,033,775,968)
III. Các khoản phải thu	130		890,255,907,384	724,910,919,717
1. Phải thu của khách hàng	131		338,113,601,624	202,402,215,815
2. Trả trước cho người bán	132		39,986,566,481	88,277,731,306
3. Các khoản phải thu khác	135		513,500,760,235	436,692,571,164
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1,345,020,956)	(2,461,598,568)
IV. Hàng tồn kho	140		319,029,636,320	398,032,090,636
1. Hàng tồn kho	141	03	322,603,832,895	399,655,331,306
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,574,196,575)	(1,623,240,670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,838,220,186	94,489,462,963
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23,890,192,428	27,523,140,386
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		60,691,292	3,495,249,715
3. Các khoản thuế phải thu	154		-	9,261,522,658
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		887,336,466	54,209,550,204

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,219,202,208,000	3,250,888,458,201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		266,868,000	345,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	218		266,868,000	345,000,000
II. Tài sản cố định	220		1,457,781,193,984	1,431,032,627,594
1. Tài sản cố định hữu hình	221	04	944,513,541,744	830,120,570,346
- Nguyên giá	222		1,691,781,701,169	1,466,067,600,094
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(747,268,159,425)	(635,947,029,748)
3. Tài sản cố định vô hình	227	06	411,978,467,173	454,552,831,520
- Nguyên giá	228		492,810,355,420	527,050,756,383
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(80,831,888,247)	(72,497,924,863)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		101,289,185,067	146,359,225,728
III. Bất động sản đầu tư	240		24,018,297,599	26,591,686,628
- Nguyên giá	241		34,524,970,816	34,524,970,816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(10,506,673,217)	(7,933,284,188)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	07	1,620,953,585,676	1,649,227,415,921
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,256,100,000,000	1,207,972,190,946
2. Lợi thế thương mại	269		349,853,585,676	393,512,066,935
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15,000,000,000	91,823,744,124
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(44,080,586,084)
V. Tài sản dài hạn khác	260		116,182,262,741	143,691,728,058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		73,553,154,775	94,489,225,035
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		42,346,192,966	48,652,720,023
3. Tài sản dài hạn khác	268		282,915,000	549,783,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5,518,265,058,509	5,809,421,380,613

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,459,586,427,899	1,959,475,083,174
I. Nợ ngắn hạn	310		1,357,106,204,519	1,783,559,913,116
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	08	529,559,033,303	882,654,433,040
2. Phải trả cho người bán	312		260,865,372,719	274,134,221,072
3. Người mua trả tiền trước	313		40,591,367,311	36,056,645,617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	09	100,911,754,325	58,171,397,947
5. Phải trả công nhân viên	315		52,436,016,972	65,677,580,413
6. Chi phí phải trả	316		203,981,342,908	221,099,438,573
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	131,304,563,783	203,176,971,073
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		37,456,753,197	42,589,225,381
II. Nợ dài hạn	330		102,480,223,380	175,915,170,058
1. Nợ dài hạn khác	333		15,761,479,023	17,039,941,861
2. Vay và nợ dài hạn	334	11	52,638,096,500	114,079,573,944
3. Dự phòng mất việc làm	336		34,080,647,856	44,795,654,253
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		4,020,436,907,253	3,814,673,283,799
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	4,020,436,907,253	3,814,673,283,799
1. Vốn cổ phần	411		1,599,216,250,000	1,195,178,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,189,781,329,788	1,950,665,093,455
3. Cổ phiếu quỹ	414		(655,240,468,113)	(153,869,778,400)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		662,366,464	(891,411,434)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,370,280,515	25,370,280,515
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		25,792,635,752	25,792,635,752
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15,909,752,661	15,909,752,661
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		818,944,760,186	756,517,901,250
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		38,241,723,357	35,273,013,640
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,518,265,058,509	5,809,421,380,613

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:				
- USD			2,030,881.34	1,562,941
- EURO			102.61	102
- RMB				173,300

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DO

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	1,082,651,016,922	1,205,652,008,723	4,318,330,269,347	4,278,051,638,403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,577,874,158	11,082,086,391	29,536,143,684	31,166,008,599
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)	10		1,071,073,142,764	1,194,569,922,332	4,288,794,125,663	4,246,885,629,804
4. Giá vốn hàng bán	11		619,137,353,815	745,714,100,608	2,403,941,939,008	2,573,745,939,917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		451,935,788,949	448,855,821,724	1,884,852,186,655	1,673,139,689,887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	20,626,411,446	46,490,330,184	150,393,484,244	127,492,814,648
7. Chi phí tài chính	22	15	39,382,327,424	61,473,964,672	210,888,344,379	180,679,651,253
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,549,520,887	48,150,652,819	93,038,983,222	117,213,229,417
8. Chi phí bán hàng	24		245,904,562,542	299,690,136,089	967,225,722,064	943,673,596,925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		94,050,473,244	90,238,316,197	343,917,262,930	331,706,403,979
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		93,224,837,184	43,943,734,950	513,214,341,525	344,572,852,378
11. Thu nhập khác	31	16	11,182,226,910	14,976,317,818	26,261,896,185	18,467,397,145
12. Chi phí khác	32	17	11,135,271,437	14,936,819,774	38,839,857,063	20,752,611,249
13. Lợi nhuận khác	40		46,955,473	39,498,044	(12,577,960,878)	(2,285,214,104)
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		-	-	-	6,893,562,118
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93,271,792,657	43,983,232,994	500,636,380,647	349,181,200,392
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	37,665,435,214	7,364,308,449	128,592,281,734	87,310,301,074
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3,840,144,208	(8,711,088,860)	9,121,876,045	(16,764,537,568)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51,766,213,235	45,330,013,405	362,922,222,868	278,635,436,886
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		1,753,993,781	1,398,628,899	5,706,471,854	5,083,224,574
Cổ đông của công ty mẹ	62		50,012,219,453	43,931,384,506	357,215,751,015	273,552,212,312

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh



Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Trần Lê Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		500,636,380,647	349,181,200,392
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		122,228,482,090	201,421,618,766
- Các khoản dự phòng	03		(65,299,097,496)	37,875,188,972
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2,645,738,580)	(1,542,696,225)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52,137,999,248)	(116,676,647,656)
- Chi phí lãi vay	06		93,038,983,222	117,213,229,417
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	-	595,821,010,635	587,471,893,666
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09		(140,462,586,702)	368,476,239,477
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		77,051,498,411	35,274,279,706
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(100,739,006,133)	137,986,606,744
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		24,569,018,218	(31,097,357,448)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(93,038,983,222)	(114,190,654,109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(58,576,241,157)	(81,711,661,306)
- Tiền thu(chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,556,250,678	30,902,212,278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	308,180,960,728	933,111,559,008
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(194,410,366,337)	(326,069,078,042)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5,807,439,084	5,422,364,340
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,773,200,000,000)	(1,133,598,500,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,865,895,963,712	856,510,211,400
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(258,883,483,751)	(594,741,569,279)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		135,262,001,621	162,925,087,803
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99,751,462,427	24,296,773,701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	(119,776,983,244)	(1,005,254,710,077)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		693,153,676,333	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(501,376,498,414)	(15,219,366,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,267,948,083,862	1,914,616,265,909
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,468,295,352,137)	(1,390,497,638,485)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(315,052,740,228)	(143,195,195,714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(323,622,830,584)	365,704,065,710
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(135,218,853,100)	293,560,914,641
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		967,330,130,617	672,316,189,794
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2,652,029,223)	1,453,026,182
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		829,459,248,294	967,330,130,617

Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Oanh



Trần Lê Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý IV năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh:

Ngày:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất

26 tháng 11 năm 2002

Điều chỉnh lần thứ hai

22 tháng 9 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ ba

11 tháng 12 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ tư

3 tháng 8 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ năm

7 tháng 10 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ sáu

11 tháng 5 năm 2005

Điều chỉnh lần thứ bảy

18 tháng 5 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ tám

6 tháng 7 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ chín

6 tháng 11 năm 2007

Điều chỉnh lần thứ mười

10 tháng 10 năm 2008

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười một

21 tháng 1 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười hai

1 tháng 11 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười ba

26 tháng 03 năm 2011

Điều chỉnh lần thứ mười bốn

02 tháng 03 năm 2012

Điều chỉnh lần thứ mười lăm

23 tháng 11 năm 2012

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

· Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)

KDC sở hữu 99.8% vốn cổ phần trong KDBD, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

· Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”)

KDC sở hữu 51,20% vốn cổ phần trong Vinabico, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

· Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong NKD, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000 và ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty liên kết

· Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 49% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái (“TTR”)

KDC sở hữu 30% vốn điều lệ trong TTR, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của TTR là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TTR có trụ sở đăng ký tại số 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

· Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Những thông tin bổ sung**01- Tiền**

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	1,459,771,477	2,801,976,864
- Tiền gửi ngân hàng	212,165,621,626	179,638,960,753
- Tiền đang chuyển	1,903,992,000	3,375,193,000
- Các khoản tương đương tiền	613,929,863,191	781,514,000,000
Cộng	829,459,248,294	967,330,130,617

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chứng khoán đã niêm yết:	32,593,295,700	68,825,821,847
Chứng khoán chưa niêm yết	15,996,392,600	22,996,392,600
Trái phiếu doanh nghiệp	252,000,000	350,000,000
Trái phiếu chính phủ	-	-

- Đầu tư ngắn hạn khác

Đầu tư ngắn hạn khác	225,619,036,288	342,631,880,000
Cộng	274,460,724,588	434,804,094,447

- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(38,980,886,263)	(61,033,775,968)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	(38,980,886,263)	(61,033,775,968)

03- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	8,900,466,816	10,795,141,171
- Nguyên liệu, vật liệu	193,110,012,486	266,612,861,078
- Công cụ, dụng cụ	28,842,914,533	28,647,225,690
- Chi phí SX, KD dở dang	8,358,484,990	1,099,781,726
- Thành phẩm	29,996,170,816	47,426,722,384
- Hàng hóa	51,327,920,351	45,073,599,257
- Hàng gửi đi bán	2,067,862,904	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	322,603,832,895	399,655,331,306
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3,574,196,575)	(1,623,240,670)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	319,029,636,320	398,032,090,636

04.Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	345,602,787,051	920,462,633,697	129,585,738,566	70,416,440,780	-	1,466,067,600,094
_ Mua trong kỳ	2,359,664,632	71,712,373,726	12,560,170,655	4,016,056,335	-	90,648,265,348
_ Đầu tư XDCB hoàn thành	46,243,505,236	130,923,664,051	-	-	-	177,167,169,287
_ Tăng khác	-	306,557,621	-	47,074,708	-	353,632,329
_ Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý nhượng bán	1,817,962,691	29,095,012,250	8,533,767,333	1,596,981,497	-	41,043,723,771
_ Giảm khác	975,130,909	312,509,876	-	123,601,333	-	1,411,242,118
Số dư cuối kỳ	391,412,863,319	1,093,997,706,969	133,612,141,888	72,758,988,993	-	1,691,781,701,169
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	71,066,355,987	478,796,705,202	44,000,206,982	42,083,761,577		635,947,029,748
Khấu hao trong kỳ	22,193,763,728	89,978,057,058	15,562,647,476	11,312,480,251	-	139,046,948,513
_ Tăng khác	-	628,394,567	19,474,690	-	-	647,869,257
_ Chuyển san bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý nhượng bán	1,059,156,985	22,357,253,743	3,370,805,803	1,374,849,830	-	28,162,066,361
_ Giảm khác	-	191,677,288	19,944,444	-	-	211,621,732
Số dư cuối kỳ	92,200,962,730	546,854,225,796	56,191,578,901	52,021,391,998	-	747,268,159,425
III. Giá trị còn lại của TSCĐ						
_ Tại ngày đầu năm	274,536,431,064	441,665,928,495	85,585,531,584	28,332,679,203	-	830,120,570,346
_ Tại ngày cuối kỳ	299,211,900,589	547,143,481,173	77,420,562,987	20,737,596,995	-	944,513,541,744

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Thương hiệu	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng		TSCĐ VH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình								
Số dư đầu năm	49,491,407,529	76,084,244,071	66,591,966,348	55,268,061,247	277,615,077,188	2,000,000,000	2,000,000,000	527,050,756,383
_ Mua trong quý	-	15,759,599,037	-	-	-	-	-	15,759,599,037
_ Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Giảm khác	-	-	50,000,000,000	-	-	-	-	50,000,000,000
Số dư cuối kỳ	49,491,407,529	91,843,843,108	16,591,966,348	55,268,061,247	277,615,077,188	2,000,000,000	2,000,000,000	492,810,355,420
II. Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	6,556,604,555	19,525,529,234	24,575,863,483	2,700,518,849	17,350,942,324	1,788,466,418	1,788,466,418	72,497,924,863
_ Khấu hao trong kỳ	1,237,998,133	8,061,826,580	3,950,863,303	2,356,043,062	17,350,942,324	584,623,298	584,623,298	33,542,296,700
_ Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-
_ Thanh lý, nhượng bán	-	-	25,208,333,316	-	-	-	-	25,208,333,316
_ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7,794,602,688	27,587,355,814	3,318,393,470	5,056,561,911	34,701,884,648	2,373,089,716	2,373,089,716	80,831,888,247
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH								
_ Tại ngày đầu năm	42,934,802,974	56,558,714,837	42,016,102,865	52,567,542,398	260,264,134,864	211,533,582	211,533,582	454,552,831,520
_ Tại ngày cuối kỳ	41,696,804,841	64,256,487,294	13,273,572,878	50,211,499,336	242,913,192,540	(373,089,716)	(373,089,716)	411,978,467,173

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Tổng số chi phí XD CB dở dang:

Số dư cuối quý	Số dư đầu năm
101,289,185,067	146,359,225,728

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**07- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****a- Đầu tư vào công ty con(chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty con)**

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty CP Kinh Đô Bình Dương	99.80%	560,950,000,000
Công ty CP Vinabico	51.20%	70,244,380,000
Công ty NHHH MTV Kido	100%	247,559,771,500
Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	100%	694,175,525,000

**b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
(chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên doanh, liên kết)**

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty TNHH Tân An Phước	49%	204,300,000,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái	30%	1,800,000,000

c- Đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát

	Tỷ lệ sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue	50%	1,050,000,000,000

d- Đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu		
Cổ phiếu đã niêm yết:	-	129,874
Cổ phiếu chưa niêm yết	15,000,000,000	15,000,000,000
Các quỹ đầu tư	-	
- Đầu tư dài hạn khác	-	76,823,614,250
Cộng	15,000,000,000	91,823,744,124

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

- Dự phòng đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	(44,080,586,084)
Giá trị đầu tư thuần:	15,000,000,000	47,743,158,040

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ:

	Kỳ này	Năm trước
-Số Đầu năm	44,080,586,084	94,842,047,631
- Trích lập dự phòng trong kỳ	-	37,468,652,897
- Hoàn nhập dự phòng	44,080,527,710	56,144,369,035
- Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	58,374	32,085,745,409
- Số cuối kỳ:	-	44,080,586,084

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

08- Vay và nợ ngắn hạn	Kỳ này	Kỳ trước
- Vay ngắn hạn	529,559,033,303	821,622,816,609
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	61,031,616,431
Cộng	529,559,033,303	882,654,433,040
09- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Kỳ này	Kỳ trước
- Thuế giá trị gia tăng	17,723,591,781	20,191,445,597
- Thuế xuất, nhập khẩu	650,833,993	190,670,063
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	77,423,223,857	34,133,896,798
- Thuế thu nhập cá nhân	4,186,833,635	3,225,636,043
- Các loại thuế khác	927,271,058	429,749,446
Cộng	100,911,754,324	58,171,397,947
10 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Kỳ này	Kỳ trước
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1,478,521,641	-
- Kinh phí công đoàn	1,270,263,887	895,443,356
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2,913,817,272	523,985,859
- Phải trả về cổ phần hoá	193,900,000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,987,218,796	80,652,218,796
- Doanh thu chưa thực hiện	2,947,932,000	2,947,932,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119,512,910,187	118,157,391,062
Cộng	131,304,563,783	203,176,971,073
11- Vay và nợ dài hạn	Kỳ này	Kỳ trước
a - Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	52,638,096,500	114,079,573,944
Cộng	52,638,096,500	114,079,573,944

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐỒ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VỐN CHỦ SỞ HỮU									
TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU									
KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Năm trước:									
Số dư đầu kì trước	1,195,178,810,000	1,950,665,093,455	(138,650,412,400)	663,650,072,802	1,122,511,871	25,370,280,515	25,792,635,752	16,135,952,510	3,739,264,944,505
Tăng vốn		-							-
Mua cổ phiếu quỹ			(15,219,366,000)						(15,219,366,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái					(2,013,923,305)				(2,013,923,305)
Lợi nhuận thuần trong năm				273,552,212,312					273,552,212,312
Cổ tức đã trả				(144,300,874,674)					(144,300,874,674)
Trích lập quỹ				(31,074,108,220)					(31,074,108,220)
Thù lao hội đồng quản trị				(5,309,400,970)					
Sử dụng quỹ								(226,199,849)	(226,199,849)
Số dư cuối kì	1,195,178,810,000	1,950,665,093,455	(153,869,778,400)	756,517,901,250	(891,411,434)	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	3,814,673,283,799
Năm nay									
Số dư đầu kì	1,195,178,810,000	1,950,665,093,455	(153,869,778,400)	756,517,901,250	(891,411,434)	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	3,814,673,283,800
Tăng vốn	404,037,440,000	253,962,560,000	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm		-	-	357,215,751,015	-	-	-	-	357,215,751,015
Mua cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác		-	(501,370,689,713)	26,020,758,699	-	-	-	-	(475,349,931,015)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	1,553,777,898	-	-	-	1,553,777,898
Cổ tức đã trả		-	-	(315,052,740,228)	-	-	-	-	(315,052,740,228)
Giảm khác		(14,846,323,667)	-	(5,756,910,550)	-	-	-	-	(20,603,234,217)
Số dư cuối kì	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,240,468,113)	818,944,760,186	662,366,464	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,020,436,907,253

Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương mua 13.043.112 cổ phiếu KDC, ghi nhận vào cổ phiếu quỹ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**13- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Trong đó:

- Doanh thu thành phẩm đã bán

- Doanh thu hàng hóa đã bán

Cộng**Trừ**

- Hàng bán bị trả lại:

Doanh thu thuần:**Quý IV năm nay****Quý IV năm trước**

1,003,478,528,232

1,130,510,858,035

79,172,488,690

75,141,150,688

1,082,651,016,922**1,205,652,008,723**

11,577,874,158

11,082,086,391

1,071,073,142,764**1,194,569,922,332****14- Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng**Quý IV năm nay****Quý IV năm trước**

18,571,915,750

30,019,625,326

962,438,704

96,454,928

52,722,938

1,542,696,225

-

1,101,469,583

1,039,334,054

13,730,084,122

20,626,411,446**46,490,330,184****15- Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay

- Chi phí hoạt động chứng khoán

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn

- Chi phí tài chính khác

Cộng**Quý IV năm nay****Quý IV năm trước**

15,478,982,804

38,851,730,904

21,799,318,584

3,277,612,669

(2,202,328,087)

532,658,946

221,954,511

1,252,609,225

801,840,480

17,317,180,604

3,282,559,132

242,172,324

39,382,327,424**61,473,964,672****16- Thu nhập khác**

- Thu từ bán phế liệu

- Thanh lý tài sản

- Thu nhập khác

Quý IV năm nay**Quý IV năm trước**

3,025,815,236

3,274,196,376

3,154,036,566

1,461,364,600

5,002,375,108

760,303,027

11,182,226,910**14,976,317,818****17- Chi phí khác**

- Từ bán phế liệu

- Thanh lý tài sản

- Chi phí khác

Quý IV năm nay**Quý IV năm trước**

(1,218,233,731)

1,706,225,485

3,362,558,051

1,355,770,579

8,990,947,117

673,385,040

11,135,271,437**14,936,819,774****19- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quý IV năm nay**Quý IV năm trước**

37,665,435,214

7,364,308,449

3,840,144,208

(8,711,088,860)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**20- Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

VNĐ			
<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hồi khoản cho vay	761,895,963,712
		Cho vay ngắn hạn	(737,500,000,000)
		Lãi cho vay	20,164,443,826
		Phí bản quyền thương hiệu	(5,082,424,600)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	3,752,054,562
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	1,074,375,996
		Mua thành phẩm	(114,749,577)
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(20,832,398,717)
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1,662,458,333
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn (“TRIBECO”)	Công ty liên quan	Phí xử lý nước thải	(184,448,000)
Công ty Cổ phần Tribeco Miền Bắc	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, xăng dầu	68,842,363

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	30,336,134,024
Công ty Cổ phần Tribeco Miền Bắc	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu ,	20,109,505,839
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm	1,741,965,125
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	1,846,320

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**52,189,451,308*****Phải thu khác***

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn (“TRIBECO”)	Công ty liên quan	Lãi vay	1,087,200,001
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Chi trả hộ	303,421,616
			1,390,621,617

Ứng trước cho nhà cung cấp

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Tạm ứng phí bản quyền	(27,929,029,500)
			(27,929,029,500)

Phải trả nhà cung cấp

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	(16,612,339,936)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hộ	(560,000,000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	(290,555,502)
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Sài Gòn (“TRIBECO”)	Công ty liên quan	Phi xử lý nước thải	(426,778,000)
			(17,889,673,438)

Phải trả khác

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	(100,000,000,000)
			(100,000,000,000)

Khách hàng ứng trước

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý 4/2012)</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng	(104,852,253)
			(104,852,253)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

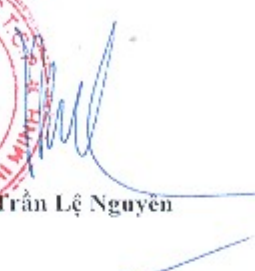
Ngày 4 tháng 2 năm 2013

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám Đốc



Trần Lệ Nguyễn